

Số: 966/2024/QĐST-HNGĐ

T, ngày 14 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Điều 396, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 728/2024/HNST ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc: yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây: Người yêu cầu việc giải quyết việc dân sự: Bà Trần Kim T – sinh năm 1988; Địa chỉ : B Q, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh và ông Đinh Công P – sinh năm 1987; Địa chỉ : H T, phường A, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim T và ông Đinh Công P cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn của bà Trần Kim T và ông Đinh Công P được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, công nhận bà Trần Kim T và ông Đinh Công P thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Trần Kim T và ông Đinh Công P cùng xác nhận có 02 người con chung tên Đinh Thị Thủy T1 – sinh ngày 17/4/2012 và Đinh Ngọc Q – sinh ngày 17/11/2017. Ông bà thỏa thuận các con chung do bà Trần Kim T trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi các con chung trong vụ án này. Thỏa thuận về con chung của bà Trần Kim T và ông Đinh Công P phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Kim T và ông Đinh Công P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Kim T và ông Đinh Công P chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí do bà Trần Kim T và ông Đinh Công P đã nộp theo biên lai số 0040233 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim T và ông Đinh Công P cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2012, quyển số 01/2011 ngày 31/01/2012 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp cho các đương sự không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định này của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

-Về con chung: giao 02 (hai) con chung tên Đinh Thị Thủy T1 – sinh ngày 17/4/2012 và Đinh Ngọc Q – sinh ngày 17/11/2017 cho bà Trần Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi các con chung trong vụ án này

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông Đinh Công P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội L), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Kim T và ông Đinh Công P chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí do bà Trần Kim T và ông Đinh Công P đã nộp theo biên lai số 0040233 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Kim T và ông Đinh Công P đã nộp đủ lệ phí. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Hiền